

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2022/DS-ST
Ngày 30-6-2022
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Hận;

Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967 và bà Võ Hồng D, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2022, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, bà Võ Hồng D trình bày: Ngày 09 tháng 4 năm 2013 ông bà có cho bà Lê Thị H vay số tiền 32.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất là 3.200.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 08 tháng kể từ ngày vay. Việc vay tiền có làm Biên nhận ngày 09/4/2013 có chữ ký nhận của bà H, sau khi giao kết, phía ông bà đã trao đủ tiền cho cho bà H. Trong suốt quá trình vay, phía bị đơn không trả tiền vốn gốc và tiền lãi vay cho ông bà. Hiện nay thời hạn hợp đồng đã hết, phía bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền vốn và tiền lãi cho ông bà như giao kết. Do đó, ông bà yêu cầu tòa án buộc bà H trả số tiền vốn 32.000.000 đồng đã vay và 28.800.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông bà chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền là 32.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Do bản công việc riêng không có điều kiện tham dự phiên tòa, ông bà yêu cầu tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông bà.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến tự khai theo yêu cầu ngày 22 tháng 6 năm 2022 bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà xác định bà có nợ phía ông C, bà D một khoảng

tiền nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu, bà xác định bà có ký trong Biên nhận ngày 09/4/2013 có trong hồ sơ vụ án, do nguyên đơn cung cấp mà bà đã được xem trực tiếp. Bà yêu cầu xem xét thời hiệu của hợp đồng vay tài sản theo quy định của pháp luật. Do tuổi cao, đi lại khó khăn nên bà yêu cầu tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn C, bà Võ Hồng D khởi kiện yêu cầu trả khoản nợ từ việc vay mượn nên đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lê Thị H cư trú tại xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa ông Nguyễn Văn C, bà Võ Hồng D và bà Lê Thị H thực hiện việc vay mượn tiền vào ngày 09 tháng 4 năm 2013. Theo thỏa thuận, hai bên thực hiện trả gốc và lãi trong thời hạn 08 tháng (từ thời điểm vay cho đến tết âm lịch năm 2013). Như vậy thời điểm bà Lê Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 09 tháng 12 năm 2013 âm lịch. Đến ngày 29 tháng 5 năm 2022 vợ chồng ông C, bà D mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; phía bị đơn yêu cầu xem xét về thời hiệu đối với khoảng tiền vay. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản.

[3] Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nhưng đều có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt họ. Áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng các đương sự.

[4] Xét yêu cầu trả nợ của vợ chồng nguyên đơn, xét thấy: Quá trình làm việc, ông C, bà D có cung cấp giấy Biên nhận ngày 09 tháng 4 năm 2013 có chữ ký của bị đơn xác định số tiền nợ là 32.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu; đối với số tiền này, bị đơn là bà H thừa nhận có nợ nguyên đơn nhưng số nợ cụ thể bà không nhớ rõ, bà thừa nhận bà có ký nhận Biên nhận ngày 09 tháng 4 năm 2013 do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án mà bà đã biết. Do đó, có đủ căn cứ xác định bà H có nhận của vợ chồng ông C, bà D 32.000.000 đồng theo như giấy biên nhận ngày 09 tháng 4 năm 2013. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà H không trả nên áp dụng các Điều 166, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà H trả cho vợ chồng ông C, bà D số tiền trên. Do đã hết thời hiệu khởi kiện và vợ chồng ông C, bà D không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án nguyên đơn ông C, bà D không phải chịu án phí; bà H thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật và có yêu cầu miễn án phí nên bà không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 429, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn C, bà Võ Hồng D số tiền là 32.000.000 (ba mươi hai triệu đồng) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn C, bà Võ Hồng D số tiền là 1.520.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004881 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Hợp